PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

(Kèm theo quyết định số : 3337 ***/ QĐ - VPCNCLQG ngày*** 03 ***tháng*** 11 ***năm 2026***
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

Tên tổ chức giám định :	**CÔNG TY SGS VIỆT NAM TNHH – CHI NHÁNH QUẢNG NINH**
Name of Inspection Body:	***BRANCH OF SGS VIETNAM LIMITED IN QUANG NINH*** ***SGS VIETNAM LIMITED***
Cơ quan chủ quản:	**CÔNG TY SGS VIỆT NAM TNHH**
Parent Organization:	***SGS VIETNAM LTD.***
Mã hiệu công nhận *Accreditation Code*:	**VIAS 008**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria:*	**ISO/IEC 17020:2012**
Địa chỉ trụ sở chính :	**198 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh**
Head office address:	***198 Nguyen Thi Minh Khai Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm công nhận :	**Ô số 3, lô CN-11, cụm công nghiệp Cẩm Thịnh, Phường Cửa Ông, Thành phố Quảng Ninh**
Accredited locations:	***Block 3, Lot CN-11, Cam Thinh Industrial Cluster, Cua Ong Ward, Quang Ninh city***
Điện thoại/ *Tel*:	**(84) 028 39351920**
Email:	**sgs.vietnam@sgs.com** Website: **www.sgs.com**
Loại tổ chức giám định :	**Loại A**
Type of Inspection:	***Type A***
Người đại diện :	**Bùi Tuấn Anh**
Authorized Person:	***Bui Tuan Anh***
Hiệu lực công nhận: *Period of Validation :*	**Từ ngày** 03 **/** 11 **/ 2026 đến ngày 20 / 10 / 2031**

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

PHẠM VI CÔNG NHẬN
Scope of Accreditation

Lĩnh vực giám định *Field of Inspection*	**Nội dung giám định** *Type and Range of Inspection*	**Phương pháp và/hoặc quy trình giám định** *Inspection Methods and Procedures*	**Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan** *Location(s) and/or relating division(s)*
Khoáng sản: **Than đá và than cốc** ***Minerals:*** ***Coal and coke***	- Lấy mẫu - Số lượng (kiểm đếm) - Khối lượng theo cân (cân cầu), khối lượng theo mớn - Giám sát xếp và dỡ hàng - Kiểm tra sạch sẽ hầm chứa - Chất lượng (đặc tính cơ lý) - *Sampling* - *Quantity (tally)* - *Weighing (weighbridge), draft survey* - *Supervision of loading/ discharge* - *Hold cleanliness inspection* - *Quality (Physical and mechanical characteristics)*	MINE-FLD-WI-9023 MINE-FLD-WI-9024 MINE-FLD-SOP-9007 MINE-FLD-SOP-9012 MINE-FLD-SOP-9013 MINE-FLD-SOP-9015 MINE-FLD-SOP-9020 MINE-FLD-SOP-9042 MINE-FLD-SOP-9049	QUNH-MINE

Ghi chú/ Note:

- MINE-FLD-xxxx: Phương pháp và/ hoặc qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng */ IB's developed methods and procedures*
- Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH – Chi nhánh Quảng Ninh cung cấp dịch vụ giám định thì tổ chức giám định này phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for SGS Vietnam Ltd. – Quang Ninh Branch that provides the inspection services to register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP VÀ / HOẶC QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
List of Inspection Methods and / or procedures

Stt	Tên phương pháp và/hoặc quy trình giám định *Name of inspection methods/ procedures*	Mã hiệu phương pháp / qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành *Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year*
1.	Discharging Supervision	MINE-FLD-WI-9023 (2024)
2.	Loading Supervision	MINE-FLD-WI-9024 (2024)
3.	Hold Cleanliness Inspection	MINE-FLD-SOP-9007 (2024)
4.	Quantity by Tally – Onboard Loading & Discharging	MINE-FLD-SOP-9012 (2024)
5.	Verification of Witness Weighing and Checking Tare Weight of The Cargo	MINE-FLD-SOP-9013 (2024)
6.	Draft Survey & Draft Memo	MINE-FLD-SOP-9015 (2024)
7.	Weighing Supervision	MINE-FLD-SOP-9020 (2025)
8.	Barge Draft Survey	MINE-FLD-SOP-9042 (2026)
9.	Sampling and Sample Preparation for Coal & Coke Sample	MINE-FLD-SOP-9049 (2026)